TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TH
TỈNH LONG A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2021/DS-ST
Ngày: 27-12-2021
Về việc "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH -TỈNH LONG A

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dg.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hà Minh Tn.

2/ Bà Trần Thị Nm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long A.

Hôm nay, ngày 27 tháng 12 Nm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:112/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 Nm 2021 về việc "*TrAh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 12 Nm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị C**, sinh Nm 1959.

Nơi cư trú: Ấp Huỳnh T, xã Hậu Th Đg, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

2. Bị đơn: **Ông Trần Văn Thg**, sinh Nm: 1972 .

Bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg, sinh Nm: 1974

Nơi cư trú: Ấp Huỳnh T, xã Hậu Th Đg, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

(*Nguyên đơn, bị đơn C mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Thị C trình bày: Vào ngày 05/11/2020 bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg C đến nhà tôi vay số tiền là 105.000.000 đồng để trả nợ đáo hạn ngân hàng lãi suất 3%/tháng và bà TrAg C hẹn trong 03 tháng sau sẽ trả cho tôi số tiền trên.

Đến ngày 25/11/2020 (AL) bà TrAg tiếp tục đến nhà tôi vay thêm số tiền là 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng bà TrAg cũng hẹn sau 03 tháng sẽ

bán đất hoàn trả cho tôi toàn bộ hai khoản tiền trên và tiền lãi nhưng đến nay bà TrAg vẫn chưa thực hiện việc trả nợ cho tôi.

Hiện nay tôi khởi kiện bà TrAg, ông Thg đến Tòa án nhân dân huyện Tân Th yêu cầu bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg, ông Trần Văn Thg trả số tiền là 130.000.000 đồng và đồng thời trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến nay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg trình bày: Vào khoảng tháng 7-8 Nm 2021 tôi C mượn của bà Trần Thị C số tiền là 70.000.000 đồng với lãi suất là 7.000 đồng/ngày. Tôi cũng thống nhất C vay của bà C số tiền này nhưng do tình hình dịch bệnh và làm ăn khó khăn nên tôi không C tiền trả cho bà C. Sau đó bà C C kêu tôi ký biên nhận theo hình thức lãi nhập gốc thành 105.000.000 đồng lúc đầu tôi cũng không đồng ý nhưng do không C tiền trả cho bà C nên tôi đồng ý ký tên vào biên nhận. Sau hơn khoảng 1 tháng tôi không C tiền trả tiền lãi cho bà C thì bà C tính thêm 25.000.000 đồng, thành tổng số tiền tôi nợ là 130.000.000 đồng.

Hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi chỉ xin trả số tiền gốc cho bà Trần Thị C là 130.000.000 đồng và không trả lãi.

- *Bị đơn ông Trần Văn Thg trình bày:* Việc vay tiền giữa vợ tôi và bà Trần Thị C tôi không biết biên nhận chỉ C vợ tôi ký tên, nhưng hiện nay tôi đồng ý cùng vợ tôi trả cho bà Trần Thị C số tiền là 70.000.000 đồng, không trả lãi số tiền trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu C trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ kiện "*trAh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa bà Trần Thị C với ông Trần Văn Thg và bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long A theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị C không thay đổi yêu cầu không rút đơn khởi kiện. Bà C yêu cầu ông Thg và bà TrAg hoàn trả cho bà số tiền là 130.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi 0,83% /tháng từ ngày 05-11-2020 cho đến ngày xét xử.

Bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg xác định còn nợ bà C số tiền là 130.000.000 đồng chấp nhận trả số tiền gốc không chấp nhận trả lãi.

Ông Trần Văn Thg xác định việcvay tiền giữa bà C với bà TrAg ông không biết. Ông chấp nhận trả cho bà C số tiền là 70.000.000 đồng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Vào ngày 05/11/2020 bà Nguyễn Thị TrAg C đến nhà bà C vay số tiền là 105.000.000 đồng để trả nợ đáo hạn ngân hàng và bà TrAg C hẹn trong 03 tháng sau sẽ trả cho bà C số tiền trên. Đến ngày 25/11/2020 (AL) bà TrAg C vay thêm của bà C số tiền là 25.000.000 đồng, bà TrAg cũng hẹn sau 03 tháng sẽ bán đất hoàn trả cho bà C toàn bộ hai khoản tiền trên và tiền lãi nhưng đến nay bà TrAg vẫn chưa thực hiện việc trả nợ cho bà C. Bà C C đến đòi nhưng bà TrAg và ông Thg hẹn nhiều lần vẫn không trả nên bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Thg và bà TrAg trả cho bà số tiền trên.

[2.2] Bà Trần Thị C, C cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Tân Th biên nhận nợ ghi ngày 05-11-2020 và biên nhận nợ ngày 25-11-2020 nội dung hai biên nhận nợ C ghi "tôi tên Nguyễn Thị ĐoA TrAg C vay của chị C tổng số tiền của hai biên nhận là 130.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, mỗi biên nhận C ghi thời giA trả là 3 tháng" yêu cầu của bà C cũng được ông Thg và bà ĐoA trAg chấp nhận nên yêu cầu này của bà C C căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Tại phiên Tòa hôm nay bà Trần Trần C với bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg và bà ông Trần Văn Thg tự nguyện thỏa thuận và tự thống nhất với nhau là bà TrAg và ông Thg còn nợ của bà C số tiền là 130.000.000 đồng; Bà C tự nguyện không yêu cầu tính lãi. Hai bên thông nhất thời giA thAh toán nợ như sau:

Vào ngày 07-01-2022 trả số tiền là 70.000.000 đồng;

Vào ngày 25-02-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-03-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-04-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-05-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-06-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-07-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Hai bên nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận: Bị đơn cam kết nếu vi phạm nghĩa vụ thAh toán cho phía nguyên đơn một lần thì theo cam kết nguyên đơn được quyền yêu cầu Thi hành án đối với toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Sự thỏa thuận này của các bên hoàn toàn tự nguyện không trái với pháp luật nên công nhận sự thòa thuận này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Thg và bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg phải chịu 6.500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Bà Trần Thị C thuộc diện người cao tuổi C đơn xin miễn án phí nên bà C được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 463 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy BA Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Thị C với ông Trần Văn Thg và bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg.

2. Ông Trần Văn Thg và bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg C nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị C số tiền là 130.000.000 đồng thời giA trả được chia ra như sau:

Vào ngày 07-01-2022 trả số tiền là 70.000.000 đồng;

Vào ngày 25-02-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-03-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-04-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-05-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-06-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Vào ngày 25-07-2022 trả số tiền là 10.000.000 đồng;

Hai bên nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận: Bị đơn cam kết nếu vi phạm nghĩa vụ thAh toán cho phía nguyên đơn một lần thì theo cam kết nguyên đơn được quyền yêu cầu Thi hành án đối với toàn bộ số tiền nợ còn lại.

3. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày C đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Thg và bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg phải chịu 6.500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Bà Trần Thị C thuộc diện người cao tuổi C đơn xin miễn án phí nên bà C được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự C quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về kháng cáo: Án xử công khai C mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Long A;
- VKSND huyện Tân Th;
- THADS huyện Tân Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Dg